

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường¹: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Công ty TNHH Tân Phát Land tại Văn bản số 280/TPL-KHTĐ ngày 08/4/2025 và hồ sơ kèm theo; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 148/TTr-SNNMT ngày 10/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Tân Phát Land, địa chỉ trụ sở chính tại số 332, đường Thân Nhân Trung, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam” tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2400844121 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở

¹ nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang² cấp đăng ký lần đầu ngày 30/7/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27/3/2024.

Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư dự án: Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam (*để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án “Xây dựng các tuyến đường trục khu dân cư thôn Chằm, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng BT”*).

Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (cấp lần đầu: ngày 27/12/2019, điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 22/8/2023) đối với dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (cấp lần đầu: ngày 27/12/2019, điều chỉnh lần thứ hai: ngày 30/7/2024) đối với dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

1.4. Mã số thuế: 2400844121.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, với tổng diện tích đất sử dụng là 27,68 ha (trong đó: khu vực xây dựng mới có diện tích 26,41 ha và đấu nối hạ tầng cho khu vực hiện trạng có diện tích 1,27 ha).

* Quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường³; không có yếu tố nhạy cảm về môi trường⁴.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III⁵ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

* Mục tiêu của dự án đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt để tạo cơ sở hình thành một khu đô thị mới đồng bộ cả về hạ tầng

² từ ngày 01/3/2025 là Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang (được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư).

³ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

⁴ quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

⁵ quy định tại STT 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam. Đồng thời để tạo quỹ đất thanh toán dự án “Xây dựng các tuyến đường trục khu dân cư thôn Chằm, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)”.

* Công suất của dự án đầu tư:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án trên diện tích khoảng 27,68 ha theo Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại các Quyết định: số 91/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500); số 230/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) và Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND huyện Lục Nam phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500); bao gồm: hệ thống giao thông, san nền; hệ thống cấp nước và phòng cháy, chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải (bao gồm trạm xử lý nước thải); hệ thống cấp điện và chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc (hệ thống ống và hố ga để luồn cáp) và đấu nối hạ tầng với khu vực hiện trạng.

- Quy mô dân số: Dự án đáp ứng nhu cầu đất ở cho khoảng 5.100 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Tân Phát Land được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Tân Phát Land có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Tân Phát Land có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Lục Nam nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành.

Quyết định số 1927/QĐ-BTNMT ngày 26/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam” tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Tân Phát Land làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lục Nam, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam” do Công ty TNHH Tân Phát Land làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 240/QĐ-SNNMT ngày 07/3/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Thuế khu vực VI; UBND huyện Lục Nam; UBND thị trấn Đồi Ngô; Công ty TNHH Tân Phát Land và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng BVMT thuộc Sở NN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Tân Phát Land (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 4 /2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong dự án “Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam” và các công trình công cộng khác.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: Có 01 dòng nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm được xả vào cống thu gom nước thải qua đường D1500 tại Km22+700, đường tỉnh 293 chiều dài khoảng 50m, sau đó chảy vào mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm xả thải vào cống thu gom nước thải qua đường D1500 tại Km22+700, đường tỉnh 293, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X = 2356156; Y = 437136 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 970 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 40,41 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 970 m³/ngày đêm) được xả vào cống thu gom nước thải qua đường D1500 tại Km22+700, đường tỉnh 293 chiều dài khoảng 50m, sau đó chảy ra mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam theo phương thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào cống thu gom nước thải qua đường D1500 tại Km22+700, đường tỉnh 293 (chiều dài khoảng 50m), sau đó chảy ra mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTN MT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/ lần	Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (xây dựng ngầm trong các công trình), được thu gom vào hệ thống ống tròn HDPE D300 đặt ngầm sau các dãy nhà và trên vỉa hè có tổng chiều dài 2.388m, có nắp đan đầy, chảy về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm đặt tại khu đất hạ tầng nằm ở phía Đông Nam dự án.

- Hệ thống hố ga: Hố ga thu gom nước thải được chia làm 2 loại (hố ga bê tông cốt thép và hố ga gạch bê tông không nung).

+ Hố ga loại 1: Bản đáy được thiết kế bê tông cốt thép mác 200, dày 20cm, đệm đá dăm dày 10cm. Tường hố ga là bê tông cốt thép mác 200 dày 20cm. Trên đỉnh đáy tấm đan bê tông cốt thép mác 200 dày 10cm.

+ Hố ga loại 2: Bản đáy được thiết kế bê tông xi măng mác 200 dày 20cm, đệm đá dăm dày 10cm. Tường hố ga là tường gạch bê tông không nung trát vữa

xi măng mác 75 dày 1.5cm, trên đỉnh làm giằng ga bê tông mác 200 cao 20cm, đáy tấm đan bê tông cốt thép mác 200 dày 10cm.

+ Hệ thống hồ ga được bố trí cách nhau khoảng 30m, độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

+ Hồ ga tại các hộ dân sau nhà được kết hợp với các ống chờ PVC D110 có nắp bịt đầu chờ cho từng hộ dân.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể gom → Song chắn rác → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) → Mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

- Công suất thiết kế: 970 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ AO - MBBR.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl 10%: 15 kg/ngày; Dinh dưỡng: 1 kg/ngày; Polyme 99%: 6 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố trạm xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành (như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị) để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về việc sử dụng nước tiết kiệm; thực hiện thu gom rác thải theo quy định, không xả thải vào các đường thu gom nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh tra, kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý, vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển xử lý theo đúng quy định, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa trạm xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, nếu thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý nước thải, chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

- + Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý nước thải để khắc phục, xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 11/2026 đến tháng 4/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể thu gom nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

- 01 vị trí tại hồ ga chứa nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm trước khi thoát vào mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể thu gom nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m ³ /ngày đêm	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày 12/11/2026	Lưu lượng, pH, BOD ₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms.	QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
2	01 vị trí tại hồ ga chứa nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m ³ /ngày đêm	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: - Lần 1: Ngày 12/11/2026 - Lần 2: Ngày 13/11/2026 - Lần 3: Ngày 14/11/2026		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát vào mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 4 /2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Có 01 nguồn khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Có 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2356278; Y= 437011 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.500 m³/giờ, tương đương 108.000m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục 24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B); và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	-	Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-	
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	-	15	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm (thu gom từ bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể khử trùng, bể chứa bùn) được đưa về hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 4.500 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí. Khí thải (mùi) sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 4.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 1.095 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (mùi) để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi) .

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi) theo đúng quy trình đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 11/2026 đến tháng 4/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm của dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m ³ /ngày đêm	NH ₃ , H ₂ S, CH ₃ SH	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn đầu ra với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: - Lần 1: Ngày 12/11/2026 - Lần 2: Ngày 13/11/2026 - Lần 3: Ngày 14/11/2026	QCVN 20:2009/ BTNMT; QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 4 /2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh từ khu vực đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí tại khu vực đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm. Tọa độ X = 2359162; Y = 430172 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng, lắp đặt đệm chống ồn tại chân thiết bị gây ồn; lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn và thực hiện bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động), kiểm tra độ mòn của chi tiết và định kỳ bảo dưỡng theo quy định.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh ngoài tác dụng che nắng, giữ bụi, lọc sạch không khí, điều hòa không khí vì khí hậu còn có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, cũng như tạo mỹ quan khu vực dự án

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 4 /2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	45
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	90
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	50
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	50
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 03	42
Tổng cộng				277

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung	2.830
2	Than hoạt tính trong xử lý khí thải (mùi)	1.095
3	Bùn cặn từ quá trình nạo vét hố ga, cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải	100
	Tổng cộng	4.025

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 2.550 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... Ngoài ra, dự án có phát sinh bùn thải từ các bể tự hoại khoảng 50 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng đặt trong kho chứa CTNH để thu gom, lưu chứa riêng biệt từng loại CTNH. Trên mỗi thùng chứa có dán tên, mã số chất thải tương ứng và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình không nhiều và không liên tục nên các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh. Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình quản lý, vận hành dự án: Bố trí lưu giữ tại 01 kho chứa CTNH có diện tích khoảng 6m², nằm bên cạnh nhà điều hành trạm xử lý nước thải của dự án (phía Nam).

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa CTNH: Mái che và tường xây gạch, nền bê tông chống thấm, có cửa ra vào, có khoá, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH theo quy định.

+ Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định. Tần suất vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại 06 tháng/lần hoặc khi thùng chứa đầy (không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí.

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn, đơn vị được giao quản lý dự án thuê đơn vị có chức năng hút đem đi xử lý theo quy định, tần suất 06 tháng/lần.

- Bùn cặn từ quá trình nạo vét hố ga thoát nước mưa, nước thải thực hiện tận dụng trồng cây hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Than hoạt tính sử dụng trong tháp xử lý khí thải (mùi) của trạm xử lý nước thải tập trung: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 01 lần/năm.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 50 thùng chứa rác phân loại 03 ngăn có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng trên các trục đường phố hoặc nơi công cộng trên vỉa hè, cách nhau khoảng 50-100m để các hộ dân thuận tiện thu gom rác đúng nơi quy định.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án (từ hoạt động quản lý, vận hành và các hộ gia đình tại dự án) sẽ được Công ty cổ phần xây dựng và môi trường đô thị Lục Nam bố trí công nhân thu gom, vận chuyển đi hàng ngày (theo *Hợp đồng số 01/2025 ngày 17/02/2025 giữa Công ty TNHH Tân Phát Land và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường đô thị Lục Nam*).

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất 01 lần/ngày (vào cuối ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố đối với trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 4 /2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Tân Phát Land có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung công suất 970 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi chảy ra mương tiêu thoát nước của khu vực dọc làng Gai, tổ dân phố Gai, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Lục Nam trước ít nhất 10 (mười) ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn

thông thường, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao các loại chất thải nêu trên cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 148/TTr-SNNMT ngày 10/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.